

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Phụng;**

Ông **Ngô Chí Luận.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Văn Cường**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vịnh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 293/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Tuyết X**, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp T Đ, xã T, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Thái Văn L**, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp T Đ, xã T, huyện T C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết X trình bày:

Bà và ông L chung sống với nhau vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Ông L đã không còn tôn trọng ý kiến của bà, có mối quan hệ với người phụ

nữ khác. Ông bà đã không còn chung sống với nhau đến nay đã được 04 năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Ông bà có hai con chung là Thái Thị Ngọc A, sinh năm 1992 và Thái Thị C, sinh ngày 07/6/1996 đều đã thành niên nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Thái Văn L trình bày:

Ông thống nhất với lời khai của bà X về các vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do xuất phát từ về vấn đề kinh tế gia đình. Ông bà đã không còn chung sống với nhau đã được khoảng 04 năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà X.

Về con chung: Hai con chung đã thành niên nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 9, 14; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

+ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông L.

+ Về con chung: Hai con chung của ông bà đã thành niên, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

+ Bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà X và ông L vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà X và ông L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà X và ông L đều thừa nhận chung sống với nhau vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn trong khoảng 04 năm trở lại đây, ông bà đã ly thân với nhau được khoảng 04 năm đến nay không hàn gắn được. Vì thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà X xin được ly hôn với ông L và ông L cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy ông bà chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Nay do mâu thuẫn trầm trọng nên bà X xin được ly hôn với ông L và ông L cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông L.

[2.2] Về con chung: Hai con chung của ông bà là Thái Thị Ngọc A, sinh năm 1992 và Thái Thị C, sinh ngày 07/6/1996 đã thành niên, ông bà đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà X và ông L đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Tuyết X và ông Thái Văn L.

2- Về con chung: Hai con chung là Thái Thị Ngọc A, sinh năm 1992 và Thái Thị C, sinh ngày 07/6/1996 đều đã thành niên; bà Trương Thị Tuyết X và ông Thái Văn L đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị Tuyết X và ông Thái Văn L đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Tuyết X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025501 ngày 14/5/2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà Trương Thị Tuyết X đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà X và ông L biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Chung